

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện
Quý II năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12 /2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 2024 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2024,

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 234/TTr-PTCKH ngày 09/7/2024 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý II năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý II năm 2024 của huyện Thuận Nam (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

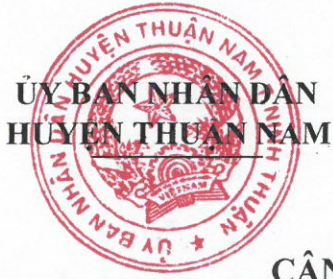
- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/cáo);
- Sở Tài chính (b/cáo);
- TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- UBND các xã;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.



Trương Xuân Vỹ

1. 10. 1960
11. 1960





Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1175 /QĐ-UBND ngày 12 /7/2024 của UBND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	77.550	82.981	107%	109%
I	Thu cân đối NSNN	77.550	22.041	28%	143%
1	Thu nội địa	77.550	22.041	28%	143%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		60.940		101%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	345.243	86.857	25%	143%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	250.747	58.254	23%	76%
1	Chi đầu tư phát triển (từ tiền sử dụng đất)	20.000	3.521	18%	
2	Chi thường xuyên	225.545	54.733	24%	119%
3	Dự phòng ngân sách	5.202		0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	94.496	28.603	30%	100%



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ ԿՐԹԱԿԱՆԱԿԱՆ ԵՎ ԳՐԱԴԱՐԱՆԱԿԱՆ ԿՐԹԱՑՈՒՄԻ ՆԱԽԱՐԱՐՈՒԹՅԱՆ ԿԵՆՏՐՈՆԱԿ

ՀԱՅԿԵՆ

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	77.550	22.041	28%	143%
I	Thu nội địa	77.550	22.041	28%	143%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	4.000	2,4	0,06%	1%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	16.800	4.210	25%	80%
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.800	2.578	24%	130%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	11.000	2.683	24%	161%
7	Thu phí, lệ phí	1.600	437	27%	104%
8	Các khoản thu về nhà, đất	27.800	9.070	33%	224%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		445		270%
-	Thu tiền sử dụng đất	20.000	7.277	36%	539%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7.800	1.348	17%	53%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	5.550	2.966	53%	183%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		95		51%
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	72.550	18.056	25%	127%
1	Từ các khoản thu phân chia	16.600	5.261	32%	217%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	55.950	12.795	23%	109%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	345.243	86.857	25%	113%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	250.747	58.254	23%	121%
I	Chi đầu tư phát triển	20.000	3.521	18%	176%
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.000	3.521	18%	55%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	225.545	54.733	24%	119%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi an ninh - quốc phòng	4.244	1.220	29%	77%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	125.309	31.776	25%	120%
3	Chi khoa học và công nghệ				
4	Chi y tế, dân số và gia đình	12.625	2.856	23%	122%
5	Chi văn hóa thông tin	1.021	354	35%	205%
6	Chi phát thanh, truyền hình	588	126	21%	102%
7	Chi thể dục thể thao	411	52	13%	60%
8	Chi bảo vệ môi trường	3.000	411	14%	202%
9	Chi hoạt động kinh tế	7.704	1.238	16%	282%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	53.027	12.387	23%	112%
11	Chi bảo đảm xã hội	16.497	4.269	26%	118%
12	Chi khác ngân sách	1.119	44	4%	210%
III	Dự phòng ngân sách	5.202			

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3 = 2/I	4
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	94.496	28.603	30%	100%
I	Chi các Chương trình mục tiêu nhiệm vụ	8.972	1.995	22%	7982%
1	Kinh phí hoạt động Ban an toàn giao thông	437	80	18%	320%
2	Quà tết cho đối tượng BTXH và hộ nghèo	738	297	40%	
3	Hỗ trợ chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù các xã năm 2024 theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận	464	116		
4	Chi hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã	192	48		
5	Kinh phí đại hội dân tộc thiểu số, đại hội liên hiệp thanh niên, đại hội Mặt trận và các đại hội các hội đặc thù	400	100		
6	Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo Quyết định số 87/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	12	3		
7	Chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý luân chuyển công tác năm 2024 trên địa bàn huyện theo Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND	143	143		
8	Chi thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo bác sĩ tuyến y tế cơ sở và chuyên ngành hiếm ngành y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về	63	30		
9	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn	367	92		
10	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh không đủ điều kiện hưởng chế độ bán trú thuộc các trường phổ thông dân tộc bán trú	156	87		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
11	Chi mua sắm trang thiết bị các đơn vị cơ quan hành chính (lồng ghép thực hiện đề án 06) phân bổ sau	1.000			
12	Chi bổ sung một số nhiệm vụ của Huyện ủy, UBND và HĐND huyện	2.000	500		
13	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	1.000	250		
14	Kinh phí quy hoạch Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Trung tâm hành chính và Khu Liên hợp đô thị - công nghiệp Thuận Nam đến năm 2040	1.000			
15	Kinh phí bổ sung thực hiện công tác thu gom vận chuyển rác thải năm 2024	1.000	250		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia	54.300	22.263	41%	100%
	Vốn đầu tư	33.329	16.314	49%	95%
	Vốn sự nghiệp	20.971	5.949	28%	116%
1	Chương trình giảm nghèo bền vững	12.588	5.203	41%	91%
a	Vốn đầu tư	3.019		0%	0%
b	Vốn sự nghiệp	9.569	5.203	54%	202%
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới	21.941	14.282	65%	117%
a	Vốn đầu tư	17.167	14.023	82%	126%
b	Vốn sự nghiệp	4.774	259	5%	24%
3	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	19.771	2.778	14%	65%
a	Vốn đầu tư	13.143	2.291	17%	80%
b	Vốn sự nghiệp	6.628	487	7%	34%
III	Chi đầu tư thực hiện các dự án vốn đầu tư	31.224	4.345	14%	68%





**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN
QUÝ II/ 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1175 /QĐ-UBND ngày 12 /7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn

- Thu ngân sách trên địa bàn quý II/2024 là 22,041 tỷ đồng, đạt 28% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao, đạt 143% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 18,056 tỷ đồng, đạt 25% dự toán huyện giao, đạt 127% so với cùng kỳ năm 2023; các khoản thu địa phương hưởng 100% là 12,795 tỷ đồng đạt 23% dự toán huyện giao, đạt 109% so với cùng kỳ năm 2023; các khoản thu phân chia 5,261 tỷ đồng, đạt 32% dự toán huyện giao, đạt 217% so với cùng kỳ năm 2023.

- Hầu hết các khoản thu đều đạt dự toán được giao (trừ thu tiền cho thuê đất 1,348 tỷ đồng, đạt 17% dự toán HĐND huyện giao, đạt 53% so với cùng kỳ năm 2023).

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách quý II/2023 thực hiện 86,857 tỷ đồng, đạt 25% dự toán HĐND huyện giao, đạt 113% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi đầu tư công: 24,180 tỷ đồng, gồm có:

+ Chi từ tiền sử dụng đất 3,521 tỷ đồng. đạt 18% dự toán HĐND huyện giao, đạt 55% so với cùng kỳ năm trước.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia 16,314 tỷ đồng, đạt 49% dự toán HĐND huyện giao (kể cả kế hoạch vốn năm trước chuyển sang và bổ sung trong Quý), đạt 95% so với cùng kỳ năm trước.

+ Vốn tỉnh phân cấp 4,345 tỷ đồng, đạt 14% dự toán HĐND huyện giao (kể cả kế hoạch vốn năm trước chuyển sang và bổ sung trong Quý), đạt 68% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi Chương trình mục tiêu và mục tiêu quốc gia (Vốn sự nghiệp).

+ Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1,995 tỷ đồng, đạt 22% dự toán HĐND huyện giao,

+ Chương trình mục tiêu quốc gia: 5,949 tỷ đồng, đạt 28% dự toán HĐND huyện giao, đạt 116% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 54,733 tỷ đồng, đạt 24% dự toán HĐND huyện giao, đạt 119% so với cùng kỳ năm trước, đáp ứng nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị.

Trong đó: Chi an ninh - quốc phòng 1,220 tỷ đồng, đạt 29% dự toán giao; Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 31,766 tỷ đồng, đạt 25% dự toán giao; chi sự nghiệp y tế 2,856 tỷ đồng, đạt 23% dự toán giao; chi bảo vệ môi trường 0,411 tỷ đồng, đạt 14/% dự toán giao; chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể 12,387 tỷ đồng, đạt 23/% dự toán giao; chi bảo đảm xã hội 4,269 tỷ đồng, đạt 26% dự toán giao.